

TỪ COLLÈGE DE QUINHON ĐẾN TRƯỜNG TRUNG HỌC CƯỜNG ĐẺ (1921–1975)

MỘT NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VỀ QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI GIÁO DỤC TẠI NAM TRUNG VIỆT

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

A - DẪN NHẬP

Bài viết này khảo cứu lịch sử hình thành và phát triển của Collège de Quinhon, sau này là Trường Trung học Cường Đẻ, trong bối cảnh chuyển biến sâu sắc của hệ thống giáo dục Việt Nam từ thời thuộc địa đến giai đoạn Việt Nam Cộng Hòa. Thông qua trường hợp cụ thể này, bài viết phân tích quá trình chuyển đổi từ một mô hình giáo dục phục vụ bộ máy cai trị thuộc địa, qua giai đoạn chiến tranh gián đoạn, đến nỗ lực xây dựng một nền giáo dục quốc gia mang định hướng hiện đại và khai phóng.

Không chỉ là một cơ sở giáo dục địa phương, Collège de Quinhon giữ vai trò như một trung tâm đào tạo trung học quan trọng, đúng hơn là Cao đẳng Tiểu học, của khu vực Nam Trung Việt trong tiền bán thế kỷ XX. Sự tồn tại và biến đổi của nhà trường phản ánh những thay đổi sâu sắc về mục tiêu giáo dục, nội dung giảng dạy, cũng như vai trò của tầng lớp trí thức trong xã hội Việt Nam hiện đại.

Dựa trên các nguồn tư liệu lưu trữ, đặc san, hồi ký, phỏng vấn nhân chứng; bài viết phân tích ba giai đoạn chính: thời kỳ thuộc địa (1921–1945), giai đoạn

chiến tranh gián đoạn và di tản trong thời Việt Minh (1945–1954), và thời kỳ phục hồi và phát triển dưới nền giáo dục Việt Nam Cộng Hòa (1955–1975).

Qua đó, bài viết góp phần lý giải cách thức một thiết chế giáo dục vừa chịu tác động của bối cảnh lịch sử, vừa đóng vai trò chủ động trong việc định hình các giá trị xã hội và tri thức.

B - GIAI ĐOẠN THUỘC ĐỊA (1921–1945)

Giáo dục như một công cụ cai trị

I - BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Dưới thời Pháp thuộc, chính sách cai trị ở Đông Dương có thể quy về hai xu hướng chính: “liên hiệp” (association), thiên về hợp tác với tầng lớp bản xứ, và “đồng hóa” (assimilation), thiên về áp đặt trực tiếp mô hình Pháp. Tuy nhiên, trên thực tế, các Toàn quyền thường vận dụng linh hoạt cả hai xu hướng này.

Trong số đó, Albert Sarraut là người tiêu biểu cho xu hướng “liên hiệp”, chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo đội ngũ công chức bản xứ nhằm củng cố nền cai trị. Người kế nhiệm ông, Maurice Long (1919–1923), tiếp tục đường lối này nhưng với thái độ thận trọng hơn.

Trong bối cảnh đó, việc mở rộng hệ thống giáo dục ở Trung Kỳ được thúc đẩy, tạo điều kiện để đến năm 1921, thị xã Qui Nhơn có thể thành lập trường với cấp học đến bậc Cao đẳng Tiểu học (Primaire supérieure).

II - SỰ HÌNH THÀNH VÀ TRIỂN TRIỂN

Trường École élémentaire franco-annamite - Cours complémentaire được thành lập vào mùa thu năm 1921, tại khu vực Trường Tiểu học Âu Triệu ngày nay (cuối đường Tăng Bạt Hổ). Trường thu nhận học sinh sáu tỉnh, từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận, nên việc thi tuyển vào trường rất khó khăn.

Hiệu trưởng của trường là ông Guillaume Rivière; đội ngũ giảng dạy gồm cả thầy giáo người Pháp và người Việt.

1 - Niên khóa 1921–1922, trường mở 3 cấp:

a/ Bậc Sơ học (Primaire élémentaire) gồm các lớp:

Năm, còn gọi là Đồng ấu (Cours enfantin);

Tư, còn gọi là Dự bị (Cours préparatoire, viết tắt CP);

Ba, còn gọi là Sơ đẳng (Cours élémentaire, viết tắt CE).

Sau 3 năm học, học sinh thi lấy bằng Sơ học yếu lược (Certificat d'études primaires élémentaires).

b/ Bậc Tiểu học (Primaire) gồm các lớp:

Nhì nhất (Cours moyen première année, viết tắt CM1), còn gọi là lớp Trung đẳng 1;

Nhì nhì (Cours moyen deuxième année, viết tắt CM2), còn gọi là lớp Trung đẳng 2;

Nhất (Cours supérieur, viết tắt CS), là lớp cuối bậc Tiểu học.

Kết thúc bậc này, học sinh thi lấy bằng Tiểu học (Certificat d'études primaires).

c/ Bậc Cao đẳng Tiểu học

Lớp Nhất niên (1re année de Primaire supérieur) có 30 học sinh. Trong Hệ Học chính Tổng quy thời Pháp thuộc, không tồn tại sự phân chia hai cấp trung học như về sau. Vì vậy, sự đối chiếu dưới đây không mang tính tương đương chính thức, mà chỉ nhằm quy đổi tương đối để dễ hình dung: Cao đẳng Tiểu học (thời Pháp thuộc) → Trung học cấp II (thời Việt Minh) → Trung học Đệ nhất cấp (thời Việt Nam Cộng hòa).

2 - Niên khóa 1922–1923, trường mở lớp Nhì niên (2e année de Primaire supérieur), tương ứng với lớp Cinquième (5e) trong hệ trung học Pháp; đồng thời dời toàn bộ trường về đường Odendal Boulevard (sau đổi là đại lộ Võ Tánh), trông thẳng ra ngã ba đường Henry Russier (nay là đường Mai Xuân Thưởng) và nhìn xéo về phía sân vận động.

Trường mới được xây dựng khang trang, với khuôn viên rộng rãi, chung quanh có hàng rào cây xanh được cắt tỉa thẳng tắp, kết hợp với các trụ xi măng và dây kẽm gai để tăng độ vững chắc.

Công trường gồm hai trụ cao khoảng 3 mét, xây bằng gạch, gắn hai cánh cửa song sắt. Tên trường được ghi trên một bảng dài đặt ngang phía trên, nối liền hai trụ cổng.

Từ cổng đi vào, một con đường dẫn qua sân rộng, đưa đến hành lang chia đôi dãy lớp học gồm 12 phòng. Dãy này đối diện với khu ký túc xá dành cho học sinh nội trú; khu ký túc xá cũng được chia thành hai phần bởi một hành lang tương tự.

Hai đầu của dãy lớp học và khu ký túc xá được nối lại: phía trên là nhà chơi (préau), phía dưới là nhà ăn, tạo thành bốn cạnh khép kín bao quanh một sân rộng hình chữ nhật.

Trong sân có các dụng cụ thể dục như xà đơn (*barre fixe*), xà kép (*barres parallèles*), sạp nhảy (*tremplin*), lưới bóng chuyền (*volley-ball*), cột leo dây và các thiết bị thể dục khác (*agrès*), v.v.

Các dãy nhà đều được xây dựng kiên cố, với tường gạch, mái lợp ngói, nền tráng xi măng; cửa ra vào và cửa sổ đều có hai lớp: lớp trong lắp kính, lớp ngoài là cửa chớp bằng gỗ.

3 - Niên khóa 1923–1924 và các niên khóa tiếp theo, trường không mở hai lớp cuối là Quatrième (4e) và Troisième (3e); học sinh muốn tiếp tục học phải ra Huế, vào học tại Lycée Khải Định.

4 - Niên khóa 1926–1927, trường phát triển đủ bốn lớp:

Tên Pháp: Sixième (6e), Cinquième (5e), Quatrième (4e), Troisième (3e);

Quy đổi ra Việt: Đệ tứ, Đệ tam, Đệ nhị, Đệ nhất;

Cách gọi dân gian: Nhất niên, Nhị niên, Tam niên, Tứ niên [1].

Trong Hệ Học chính Tổng quy thời Pháp thuộc, không tồn tại sự phân chia “trung học đệ nhất cấp” như về sau; bậc gần tương đương về trình độ là Cao đẳng Tiểu học (Primaire supérieur), tuy nhiên đây không phải là trung học theo nghĩa hàn lâm.

Kể từ niên khóa này, trường đổi tên thành Collège de Quinhon.

- 2 -
INDOCHINE FRANÇAISE
ENSEIGNEMENT PRIMAIRE SUPERIEUR
Collège de Quinhon
(PROVINCE DE BINH DINH)

LIVRET SCOLAIRE DE L'ÉLÈVE

Nom et prénoms Dương Văn Bình
née à Sông Hải province de Binh Dinh
le 15 Avril 1929

Indication du ou des Établissements auxquels l'élève a appartenu

| ANNÉE SCOLAIRE | CLASSE | NOM DE L'ÉTABLISSEMENT |
|----------------|-----------------------|------------------------|
| 1938-1939 | 1 ^{re} Année | Collège de Quinhon |
| 1939-1940 | 2 ^e Année | — |
| 1940-1941 | 3 ^e Année | — |
| 1941-1942 | 4 ^e Année | — |

H 1: Học bạ Collège de Quinhon, trang 2

5 - Niên khóa 1934–1935, vào khoảng tháng 10 năm 1934, nhân dịp học sinh nghỉ lễ Toussaint (Các Thánh), một trận bão lớn đổ vào tỉnh Bình Định, quét qua vùng ven biển Qui Nhơn. Trường Collège de Quinhon bị gió tốc toàn bộ mái ngói, trơ cả sườn gỗ.

Để hạn chế thời gian gián đoạn học tập, nhà trường đã tạm thời lợp lại mái bằng cỏ tranh và sớm mở cửa đón học sinh trở lại.

Nhưng, vào đêm ngày bế giảng sau lễ phát thưởng, một vụ hỏa hoạn đã bùng phát từ lớp Tứ niên. Trong số các thầy giáo của trường, Hiệu trưởng Casimir Michel và Thầy Lê Ấm đã trực tiếp cùng đội lính cứu hỏa tham gia dập lửa. Thầy Ấm bắc thang lên mái, giật bỏ phần mái tranh và cửa sườn gỗ để cách ly khu vực đang cháy. Sau kỳ nghỉ hè năm ấy, khi ngân sách được cấp, trường đã được tu sửa lại với mái ngói kiên cố.

7 - Niên khóa 1935–1936, nhằm chuẩn bị cho bậc Cao đẳng Tiểu học, từ năm này lớp Nhì nhì bắt đầu được học các môn theo chương trình nâng cao; các thầy dạy lớp trên được phân công xuống giảng dạy.

8 - Niên khóa 1944–1945, trường được đổi tên thành Collège Võ Tánh, nhưng ông Boularand, người Pháp, vẫn làm hiệu trưởng. Ngày 9-3-1945, Nhật đảo

chánh các thầy cô giáo người Pháp đều bị bắt. Tổng Giám thị Huỳnh Văn Di được bổ nhiệm làm hiệu trưởng. Đây là lần đầu tiên trường có hiệu trưởng người Việt Nam. Năm học đó, trường có 320 học sinh, chia thành 8 lớp (mỗi bậc Nhất, Nhì, Tam, Tứ gồm 2 lớp).

III - HIỆU TRƯỞNG VÀ BAN GIẢNG HUẤN

Từ năm 1921 đến 1945, trong 24 năm hoạt động, Hiệu trưởng của trường lần lượt là các ông: Guillaume Rivière, Daydé, Bourguignon, Casimir Michel (Cử nhân toán), Le Bris, Grégory, Boularand.

Ban giảng huấn gồm các thầy người Pháp như: ông bà Martin, ông bà Boularand, bà Boétron, ông Doris, ông Legal, ông Rivière, v.v. Người Việt có các thầy, tiêu biểu như:

Thầy Lê Đình Khởi, dáng người cao dong dỏng, dạy lớp Nhì nhất.

Thầy Hà Huy Liêm (người Hà Tĩnh), thân hình đầy đà, nhanh nhẹn, thường mặc áo lương hoặc áo xuyên đen, phụ trách lớp Nhì nhì.

Thầy Lê Trọng Thích (người Quảng Nam), luôn mặc áo dài đen, khăn đóng chỉnh tề, dạy các môn Pháp văn, Việt văn, Sử – Địa và Luân lý; cách giảng rõ ràng, dễ hiểu.

Thầy Lê Âm (người Quảng Nam), vóc người thấp, trán cao, thường mặc áo dài sa tanh; là con rể của cụ Phan Châu Trinh.

Các thầy trên đều tốt nghiệp Trường Cao đẳng Sư Phạm Hà Nội; tuy giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Pháp, vẫn giữ trang phục Việt truyền thống.

Thầy Thái Chí (người Quảng Nam), dạy Lý – Hóa và Vạn vật; đồng thời phụ trách các giờ Sinh hoạt thanh niên (*Cours de loisirs dirigés*), hướng dẫn thủ công, trồng trọt, làm điều; ngoài ra còn dạy lý thuyết môn mộc (*menuiserie*), phần thực hành do thợ chuyên môn đảm nhiệm.

Thầy Trần Cảnh Hảo, nghiêm nghị, phụ trách môn Toán.

Thầy Ngô Xuân Thọ (thân sinh của thi sĩ Xuân Diệu), dạy chữ Nho cho toàn trường, từ lớp Đồng ấu đến lớp Tứ niên.

Thầy Phạm Trường Xuân (người Nam Kỳ), dạy văn chương Pháp.

Thầy Nguyễn Vỹ, dạy văn chương.

Thầy Nguyễn Văn Mùi, nổi tiếng dạy giỏi, phát âm tiếng Pháp chuẩn; tuy nhiên chỉ giảng dạy trong hai niên khóa rồi chuyển về trường Vinh.

Thầy Huỳnh Văn Di, giữ chức Tổng giám thị (*Surveillant général*), đồng thời phụ trách dạy thay khi cần; nổi bật về kỷ luật nghiêm minh.

Từ lớp Nhất đến lớp Tứ niên, các thầy đều tốt nghiệp Trường Cao đẳng Sư Phạm Hà Nội, đảm nhiệm giảng dạy các môn học trong chương trình.

Trong thời gian hoạt động, trường có hai thầy qua đời khi đang thi hành công vụ:

Thầy Nguyễn Xuân Hòa (người Nam Kỳ), mất vì bệnh thương hàn.

Thầy Phạm Văn Thuận (người Hà Nội), dạy hội họa, đột quy và qua đời ngay trên bục giảng.

— 10 —

Collège *Võ Tấn* Nom de l'élève: *Đặng Hữu Bình*
 Nombre d'élèves dans la classe au 1^{er} Janvier: *31*

| MATIÈRES | Coefficients | 1 ^{er} SEMESTRE | | | 2 ^e SEMESTRE | | | Moyenne sur 20 | Classement sur nombre | Observations |
|--------------------------------------|---|--------------------------|------------------------|-------|-------------------------|------------------------|-------|----------------|-----------------------|--------------|
| | | Notes sur 20 | Notes avec coefficient | PLACE | Notes sur 20 | Notes avec coefficient | PLACE | | | |
| I. Enseignement littéraire | | | | | | | | | | |
| Langue française | Orth. et gramm. 2 | 14 | 32 | 2 | 17 | 34 | 1 | 16% | 1 | |
| | | 12 | 36 | 1 | 19 | 34 | 2 | 11% | 2 | |
| | | 15 | 45 | 3 | 10 | 40 | 14 | 13% | 8 | |
| Langue indigène | Lect. et Réd. 3 | 14 | 28 | 2 | 14 | 28 | 1 | 14 | 1 | |
| | | 13 | 13 | 1 | 13% | 13% | 1 | 13% | 1 | |
| | Traduction 1 | 13 | 13 | 1 | 13% | 13% | 1 | 13% | 1 | |
| | Morale 2 | 16 | 32 | 1 | 8 | 16 | 16 | 12 | 10 | |
| | Histoire 1 | 11% | 11% | 11 | 8 | 8 | 26 | 9% | 23 | |
| | Géographie 1 | 11 | 11 | 1 | 8 | 8 | 30 | 11% | 15 | |
| | Caractères ethn. 1 | 8 | 8 | 8 | 16 | 16 | 16 | 11 | 26 | |
| | Lang. no-nam. 1 | 11 | 11 | 8 | 11 | 11 | 16 | 11 | 8 | |
| II. Enseignement scientifique | | | | | | | | | | |
| Mathématiques | 5 | 18 | 108 | 3 | 10% | 31% | 14 | 18% | 4 | |
| | | 2 | 8 | 35 | 9 | 18 | 12 | 5% | 34 | |
| Sciences | Physiques 1 | 14 | 28 | 4 | 14 | 14 | 5 | 14 | 3 | |
| | | 14 | 28 | 4 | 14 | 14 | 5 | 14 | 3 | |
| III. Autres enseignements | | | | | | | | | | |
| | Ecriture. <i>fran. viet.</i> 1 | 8 | 24 | 24 | 12 | 12 | 18 | 9 | 24 | |
| | Dessin 1 | 9% | 9% | 5 | 11 | 11 | 6 | 10% | 3 | |
| | Travaux manuels 1 | | | | | | | | | |
| | Hygiène infantile 1 | | | | | | | | | |
| | Enseignement ménager 1 | | | | | | | | | |
| | Education physique 1 | 11% | 15% | 8 | 16 | 16 | 13 | 15% | 11 | |
| | Taux 33 | | 404% | | | 311 | | | | |
| | Moyenne et classement semestriels | 12,64 | 5% | | 11,51 | 10% | | | | |
| | Moyenne et classement annuel | | | | | | 11,94 | 7% | | |

Observations de Directeur: *Bes deux élèves.*

Quinhon, le 15 Mars 1944.
 Le Directeur
Nguyễn Văn Thuận

H 2: Collège de Quinhon đổi tên Collège Võ Tấn.
 Trang học bạ lớp Tứ niên, năm học 1943–1944.

IV - VÀI NHẬN ĐỊNH VỀ COLLÈGE DE QUINHON

Trường giảng dạy theo chương trình Học chính Tổng quy, thường gọi là nền học Pháp – Việt, thuộc hệ thống 13 năm (từ sơ học đến tú tài), được ban hành theo Nghị định ngày 21-12-1917 của Albert Sarraut, Toàn quyền Đông Dương. Chương trình này có ảnh hưởng sâu rộng đối với Collège de Quinhon nói riêng và nền học thuật Việt Nam đương đại trong nửa đầu thế kỷ XX nói chung.

Nội dung giảng dạy mang đậm tính Pháp hóa, với tiếng Pháp là ngôn ngữ chính, tập trung vào văn hóa, lịch sử và khoa học phương Tây. Tuy nhiên, bên cạnh những hạn chế về phương diện ý thức hệ, hệ thống này cũng góp phần đưa vào Việt Nam các yếu tố của giáo dục hiện đại như sự phân cấp bậc học, phương pháp giảng dạy khoa học và việc phổ biến chữ Quốc ngữ.

Tính chất hai mặt này phản ánh đặc trưng của nền giáo dục thuộc địa: vừa là công cụ kiểm soát, vừa là kênh chuyển giao tri thức. Chính trong môi trường đó, một bộ phận trí thức Việt Nam đã được hình thành, về sau giữ vai trò quan trọng trong đời sống chính trị và văn hóa.



*H 3: Thầy Huỳnh Văn Di, Tổng Giám thị
(Ảnh: Đặc San Cường Để Nữ Trung Học Qui Nhơn)*

B - GIAI ĐOẠN KHÁNG CHIẾN (1945–1954)

Giáo dục gián đoạn và thích ứng.

I - BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Năm 1945, Thế Chiến Thứ Hai kết thúc. Ngày 06-08-1945, quả bom nguyên tử đầu tiên của nhân loại được Mỹ thả xuống thành phố Hiroshima Nhật Bản. Hai ngày sau, Mỹ thả quả bom nguyên tử thứ 2 xuống thành phố Nagasaki. Ngày

10-8-1945, Nhật hoàng Yoshihito triệu tập khẩn cấp nội các, họp quyết định đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện. Và ngày 15-08-1945, Nhật hoàng đích thân kêu gọi quân đội và dân chúng Nhật phải chấp nhận đầu hàng. Việt Minh lợi dụng thời cơ quân đội Nhật ở Đông Dương buông súng, đã cướp chính quyền từ Chính phủ Trần Trọng Kim. Và suốt trong 9 năm từ 1945–1954, tỉnh Bình Định trong Hệ thống Liên Khu V, gồm bốn tỉnh: Nam Ngãi, Bình, Phú thuộc chính quyền Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

II - NHỮNG NIÊN KHÓA BIẾN ĐỘNG

Cuối năm 1946, Việt Minh ra lệnh tiêu thổ kháng chiến, các công sở của thành phố Qui Nhơn bị triệt hạ. Collège Võ Tánh cũng bị đập phá bình địa, và Qui Nhơn bị oanh tạc.

1 - Niên khóa 1946–1947 Trường dời về thôn An Lương xã Mỹ Chánh huyện Phù Mỹ. Lúc này, Trường vẫn mở đủ 4 lớp Cấp II, nhưng chỉ có 41 học sinh theo học.

2 - Niên khóa 1947–1948, Pháp đổ bộ lên An Lương, Trường dời về thôn Hòa Bình, xã Nhơn Phong, huyện An Nhơn, Thầy Huỳnh Văn Di vẫn làm Hiệu trưởng.

3 - Niên khóa 1949–1950, Trường lại dời ra thôn Vạn Thắng, xã Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, cải danh là Trường Phổ thông Cấp III Nguyễn Huệ, và Thầy Đinh Thành Chương làm Hiệu trưởng.

4 - Niên khóa 1951–1952, Trường Nguyễn Huệ dời đến xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn và hoạt động đến cuối niên học thì giải tán.

Việc trường phải chuyển từ Qui Nhơn về các vùng nông thôn, phản ánh tình trạng chung của giáo dục trong vùng kháng chiến: thiếu cơ sở vật chất, quy mô thu hẹp, và phụ thuộc vào điều kiện chiến tranh.

III - HỆ THỐNG GIÁO DỤC 9 NĂM

Niên khóa 1949-1950, chính quyền Việt Minh cải cách giáo dục theo hệ 9 năm, được phân chia như sau:

Cấp I (4 năm): Lớp 1, 2, 3, 4.

Cấp II (3 năm): Lớp 5, 6, 7.

Cấp III (2 năm): Lớp 8, 9.

Trong giai đoạn này, tạo ra một mô hình Giáo dục mới, phù hợp với yêu cầu thời chiến. Việc rút ngắn thời gian học giúp nhanh chóng đào tạo nhân lực phục vụ kháng chiến và sản xuất, đồng thời góp phần mở rộng phổ cập giáo dục cơ bản.

Tuy nhiên, mô hình này cũng bộc lộ những hạn chế đáng kể, đặc biệt là sự thiếu hụt về chiều sâu kiến thức và sự phát triển toàn diện của học sinh. Điều này cho thấy tính chất “giải pháp tình thế” thích hợp trong thời chiến; nhưng lại là một chiếc áo "quá chật" cho sự phát triển trí tuệ toàn diện của học sinh trong thời bình.

C - GIAI ĐOẠN VIỆT NAM CỘNG HÒA (1955–1975)

Mở rộng và định hình bản sắc

I - BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Hiệp định Genève được ký kết ngày 20-07-1954, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự, chia cắt Việt Nam làm đôi: Miền Bắc Cộng Sản, Miền Nam Quốc Gia.

Ngày 16-05-1955, Việt Minh rút khỏi tỉnh Bình Định, tập kết ra Bắc, bàn giao cảng Qui Nhơn cho Quân đội Quốc Gia. Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa tiếp thu Bình Định trong tình trạng hạ tầng cơ sở kiên cố trong tình đều bị san bằng. Dẫu chính quyền đang nỗ lực tái thiết tỉnh nhà, sự nghiệp giáo dục vẫn được đặt lên hàng đầu nhằm hiện thực hóa tôn chỉ: Nhân bản, Dân tộc, Khai phóng và Khoa học.

II - TRƯỜNG TRUNG HỌC CƯỜNG ĐỀ RA ĐỜI

Khoảng đầu tháng 8, Bộ Quốc Gia Giáo Dục mở kỳ thi Tiểu học trên toàn tỉnh Bình Định, chuẩn bị cho việc thi tuyển vào các lớp Trung học. Mùa thu năm 1955, Trường Trung học Cường Đề Qui Nhơn được thành lập, Thầy Thái Vĩnh Thung tạm quyền Hiệu trưởng. Cơ sở Trường nằm trên đường Võ Tánh, khu vực của Collège Võ Tánh ngày trước. Mới đầu, Trường chỉ có dãy nhà lợp tôle gồm 3 phòng (nằm phía Tây, gần phi trường), và dãy nhà tranh cũng 3 phòng, nằm đối diện qua một sân rộng, dùng 2 phòng làm lớp học, một làm văn phòng.

Tháng 11, Thầy Đinh Thành Chương nhậm chức Hiệu trưởng. Nhân viên văn phòng chỉ có Thầy Lê Quang Chiếm, vì ông Võ Cự Nguyên làm thư ký vài tháng rồi nghỉ việc. Ngoài ra có ông Bùi Thủ vừa làm tùy phái vừa lao công.

III - TRUNG HỌC CƯỜNG ĐỀ QUA 20 NIÊN KHÓA

1 - Niên khóa đầu tiên, 1955–1956, số học sinh nộp đơn xin nhập học quá đông, trong lúc trường sở và giáo sư chưa đủ cung ứng, nên đã mở kỳ thi tuyển thu nhận 401 học sinh cho 8 lớp, gồm 3 Đề thất, 2 Đề lục, 2 Đề ngũ, và 1 Đề tứ là lớp cao nhất của tỉnh nhà.

Đề tứ (1 lớp), có hơn 120 đơn xin nhập học, trường tuyển lấy 43 học sinh. Còn có 4 học sinh từ các trường khác chuyển đến (con công chức theo cha đến nhiệm sở) khỏi thi. Ngoài ra, có Đinh Thị Nguyệt (con của thầy Đinh Thành Chương) vào học dự thính. Nhưng trong số học sinh trúng tuyển có 2 học sinh tình nguyện xin học lớp Đề ngũ cho vững chắc đường học vấn. Sau khi thêm và bớt, sĩ số chính thức của lớp Đề tứ là 45 người và 1 dự thính.

Ban giảng huấn dạy lớp Đề tứ của Trường gồm các Thầy: Đinh Thành Chương đương kim Hiệu trưởng dạy môn Pháp văn vừa là giáo sư cố vấn, Nguyễn Hữu Quyến dạy Quốc văn, Hồ Văn Thái dạy Anh văn, Vũ Quốc Oai dạy Lý Hóa, Nguyễn Trung Hối dạy Vạn vật, và cô Nguyễn Thị Xuân Bích dạy Toán.

Phụ trách các lớp dưới còn có thêm các thầy từ Sài Gòn ra như Lâm Phi Điều, Trần Đức Thông; ở Huế vào có cô Ngô Thị Nga; tại địa phương có các thầy Mẫn, Dương Lễ, Thái Vĩnh Thung, cô Chương tức Nguyễn Thị Giàu.

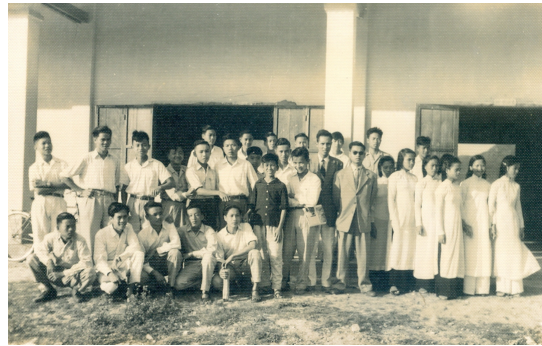
Trường Trung học Cường Đề ra đời chỉ mới 9 tháng, đã tạo một thành tích đáng ghi nhớ. Cuối niên khóa, Trường ra quân lần đầu tiên đưa 46 học sinh Đề tứ đi thi lấy bằng Trung học Đệ nhất cấp tại Hội đồng thi Bồng Sơn (ở huyện Hoài Nhơn), dành cho thí sinh 3 tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên ứng thí. Trong đợt thi kỳ I đỗ 70%, trong đó có Lâm Thị Ngưu không những dẫn đầu lớp suốt niên khóa, mà còn đoạt thủ khoa Hội đồng thi; 30% thi hỏng [2] được thi tiếp kỳ 2, đã đỗ gần hết, chỉ rớt 4 người. Với thành tích kỷ lục về tỷ số (91,3%) cả vị thứ, đem lại vẻ vang cho Trường và tấm gương sáng để lớp đàn em noi theo.



*H 4: Sân Trường Trung học Cường Để cũ, tại Collège Võ Tánh.
(Ảnh: Đặc San Cường Để & Nữ Trung Học Qui Nhơn, 2010)*

2 - Niên khóa 1956–1957, trường phát triển thành 11 lớp gồm 2 Tứ, 2 Ngũ, 3 Lục, 4 Thất. Trường cũng đã xây nhà ở cho Hiệu trưởng và nhà làm văn phòng.

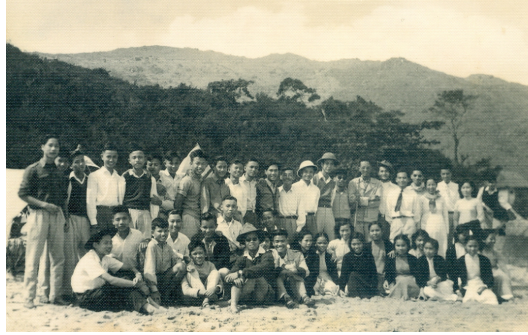
Đầu niên khóa, trường mở kỳ thi tuyển vào Đệ thất, thí sinh cả ngàn, chỉ tuyển 200 người. Ngoài ra, niên khóa này, Trung học Cường Để còn bắt các học sinh của trường có điểm trung bình cuối năm dưới 6/10 phải thi lên lớp các môn Quốc văn, Pháp văn, Anh văn và Toán.



*H 5: Thầy Nguyễn Đức Giang và học sinh lớp Đệ Ngũ 2,
ảnh chụp ngày 26-01-1957 tại thêm lớp học,
trước khi về nghỉ Tết 10 ngày.*

Năm học này có thêm nhiều giáo sư mới từ Huế vào như các Thầy: Hoàng Thế Diệm, Lữ Mộng Phương, Ngô Năm, Nguyễn Đức Giang, Nguyễn Tế, Nguyễn Văn Bài, Trần Đình Hoàn tức Trần Nhất Hoan, Võ Đen, Võ Văn Đệ, sau có Thầy Võ Ái Ngự; và ở Sài Gòn ra có Thầy Lương Diên Lữ; người địa phương có Thầy Đinh Thành Bài (nguyên Hiệu trưởng Trường Trung Học Nguyễn Huệ Tuy Hòa chuyển về).

Vào dịp Tết Đinh Dậu (1957), trường tổ chức chuyến du lịch và cắm trại tại Ghềnh Ráng cho học sinh tất cả các lớp. Đây là một trong những hoạt động ngoại khóa thường niên đầy kỷ niệm của thầy và trò Trường Cường Để.



H 6: Học sinh Đệ Ngũ 2 và các thầy dạy lớp, du ngoạn Ghềnh Ráng, ngày 19-01-1957.

Không dừng lại ở các hoạt động mang tính địa phương, cũng trong năm 1957, Trường Cường Để còn vươn mình tham gia vào một sự kiện giáo dục có quy mô rộng lớn hơn: Trại Hè Học sinh Toàn quốc [3] vào mỗi cuối niên khóa.

Sự kiện này đánh dấu việc nhà trường hưởng ứng chương trình Sinh hoạt Học đường do Bộ Quốc gia Giáo dục đề xướng; và được Nha Trung học Trung Việt tổ chức tại thắng cảnh Mỹ Khê (Quảng Ngãi). Đây không chỉ là một chuyến hành trình ngoại khóa, mà còn là sự hiện thực hóa sinh động ba tiêu điểm giáo dục: Nhân bản, Dân tộc và Khai phóng trong học đường thời bấy giờ.

Theo ký ức tác giả bài này (khi ấy là học sinh Trường Cường Để), mỗi lớp chọn hai học sinh dự trại, cùng đội banh và ban văn nghệ của trường. Phái đoàn khoảng ba mươi trại sinh, dưới sự hướng dẫn của một số giáo sư. Trại sinh mang theo vật dụng cá nhân cho khoảng một tuần, đồng thời chia nhau gánh vác dụng cụ dụng lều và sinh hoạt chung.

Khu trại bố trí trong những vườn dừa dọc bãi biển. Mỗi trường có khu đất riêng để dựng lều, tổ chức sinh hoạt và trưng bày hoạt động. Chương trình diễn ra phong phú với các nội dung thể thao (bóng tròn, bóng chuyền, bơi lội, chạy nước rút) và sinh hoạt tập thể, văn nghệ (thi dựng trại, nấu ăn dã ngoại, lửa trại).

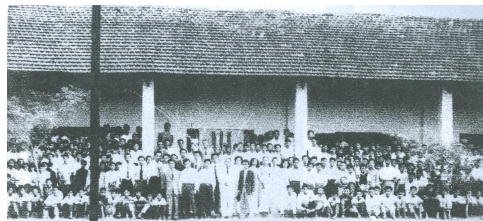
Hoạt động nổi bật là “trò chơi lớn” trong ngày cuối. Các đoàn lần theo dấu đi đường trên lộ trình 10–11 km từ Mỹ Khê đến núi Thiên Ân. Ban tổ chức giấu phân thưởng trên đỉnh núi dành cho đơn vị đến trước nhất, với điều kiện cả đoàn phải đủ thành viên, nhấn mạnh kỷ luật và tinh thần tương trợ.

Lễ bế mạc diễn ra buổi tối tại sân vận động tỉnh ly Quảng Ngãi, có đại diện ngành giáo dục trung ương từ Sài Gòn và Huế, cùng chính quyền địa phương, với sự hiện diện của vị Tỉnh trưởng. Sau nghi thức, trại sinh được khoản đãi bữa tiệc với món đặc trưng như bánh hỏi thịt heo quay. Do chưa có điện, ánh sáng được cung cấp bởi đèn măng-xông treo dọc sân, tạo khung cảnh rực sáng giữa đêm.

Những kỷ niệm từ mái lều dã chiến đến đỉnh núi Thiên Ân năm ấy chính là minh chứng thực tế cho một nền giáo dục lấy tinh thần Dân tộc làm gốc, lấy lý tưởng Nhân bản và Khai phóng làm kim chỉ nam. Chính những môi trường sinh hoạt lành mạnh này đã góp phần rèn luyện nên những thế hệ công dân hữu dụng cho xã hội.

3 - Niên khóa 1957–1958, cất xong 2 phòng ngói nối tiếp với văn phòng, và dùng làm phòng học cho hai lớp Đệ tứ. Trường phát triển thành 13 lớp gồm: 2 Tứ, 3 Ngũ, 4 Lục, 4 Thất. Kể từ năm học này công việc văn phòng có thêm ông Thái Đình Quỳnh.

Cuối niên khóa Nha Trung học tổ chức Trại hè Toàn quốc tại Lăng Cô (tỉnh Thừa Thiên). Cũng như các năm trước, Trường Cường Để chỉ tuyển chọn học sinh các lớp Đệ ngũ và Đệ lục, vì hai lớp Đệ tứ chuẩn bị thi Trung học Đệ nhất cấp, còn học sinh lớp Đệ thất quá nhỏ.



*H 7: Giáo sư và học sinh toàn trường trước dãy phòng lớp ngói mới cất.
(Ảnh từ Đặc San CĐ & NTT Qui Nhơn)*

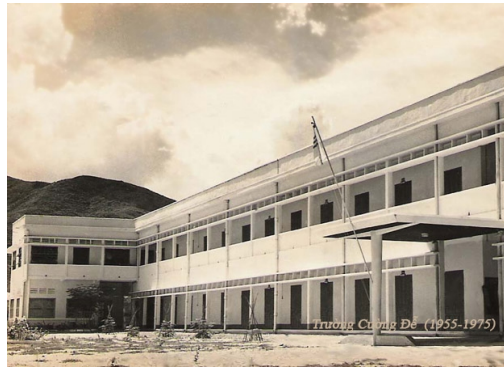
4 - Niên khóa 1958–1959, mở lớp Đệ tam đầu tiên, gồm 1 lớp ban A và 1 ban B, trường đã phát triển đến 17 lớp. Kể từ năm này học sinh lớp Đệ tứ của trường cuối niên khóa đủ điểm trung bình là 5/10 được lên lớp Đệ tam.

Tháng 03 năm 1959, GS Tôn Thất Ngạc về làm Hiệu trưởng trường này thay thế Thầy Đinh Thành Chương chuyên làm Hiệu trưởng Trường Sư Phạm cấp tốc Qui Nhơn.

Mùa hè năm 1959, trường tham dự Trại hè Toàn quốc ở Đại Lãnh tỉnh Khánh Hòa.

5 - Niên khóa 1959–1960, Trường mở lớp Đệ nhị đầu tiên, gồm 1 lớp ban A và 1 ban B, phát triển thành 22 lớp. Bộ Quốc Gia Giáo Dục ký Sự vụ lệnh và hợp thức hóa bằng Nghị định cử Thầy Lương Thanh Danh giữ chức Tổng Giám thị đầu tiên của trường này.

Cơ sở mới của Trường nằm trên đường Cường Để (gần Tòa tỉnh) vừa xây xong dãy A, cuối dãy là phòng hiệu trưởng. Các lớp từ Đệ tứ trở lên học ở Trường mới do thầy Hiệu trưởng điều hành.



(H 8, ảnh: Lê Quang Mỹ, Cuongde.org)

Cơ sở cũ của trường, do thầy Tổng Giám thị trông coi 12 lớp, gồm 4 Ngũ, 4 Lục, 4 Thất.



H 9: Lớp Đệ ngũ, niên khóa 1959–1960, dãy ngói, Trường cũ. (Ảnh: Cuongde.org)

6 - Niên khóa 1960–1961, Trường phát triển thành 23 lớp, nhưng vẫn chưa mở lớp Đệ nhất, các học sinh đỗ Tú tài bán phần (Tú tài I) phải vào Nha Trang

hoặc ra Huế tiếp tục sự học. Kỳ thi Trung học Đệ nhất cấp, một học sinh của trường đoạt thủ khoa toàn vùng Trung Nguyên và Cao Nguyên Trung phần.

Năm 1961, Lễ Hai Bà Trưng vào ngày mùng 06 tháng 02 âm lịch, nữ sinh Trung học Cường Để tham dự và diễn hành trên đường phố Gia Long Qui Nhơn (Hình 10):



7 - Niên khóa 1961–1962, Bộ Quốc gia Giáo dục ra Sự vụ lệnh và hợp thức hóa bằng Nghị định cử Thầy Trương Ân giữ chức Giám học đầu tiên của trường này.

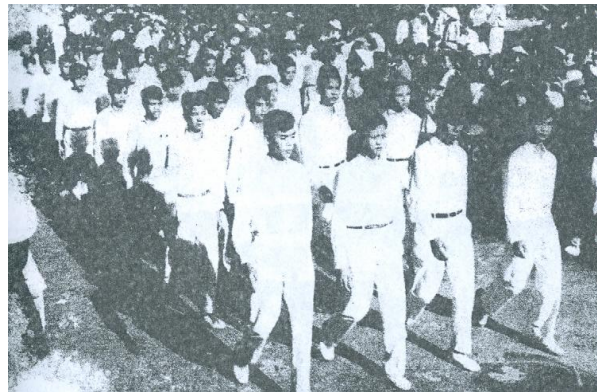
Trong niên khóa này, Trường Trung học Cường Để cử Thầy Nguyễn Văn Độ làm Hiệu trưởng Trường Trung học Bán Công An Nhơn, thay cho Thầy Dương Văn Lộc.



*H 11: Ban Giám đốc, Giáo sư và Nhân viên văn phòng,
Trường Trung học Cường Để, niên khóa 1961–1962.*

8 - Niên khóa 1962–1963, trường mở 4 lớp Đệ nhất (2A, 2B) và đây là năm học đầu tiên trường có học sinh dự thi Tú tài toàn phần.

Cũng trong niên khóa này, Bộ Giáo dục cử Thầy Phạm Ngọc Bích làm Hiệu trưởng Trường Trung học Công Lập kiêm Bán Công An Nhơn, nhưng vẫn thuộc giáo sư của Trường Cường Để về lương bổng và quyền lợi.



*H 12: Nam sinh Trung học Cường Để
diễn hành, năm 1962.*

9 - Niên khóa 1963–1964, theo Thầy Lê Văn Hòa và Nguyễn Đình Nhân [4], năm học này trường có 1700 học sinh chia thành 29 lớp, sinh hoạt ở hai cơ sở:

Trường cũ, cổng ngõ ra đường Võ Tánh, do Tổng Giám thị Lương Thanh Danh điều hành, có 13 lớp gồm 5 Thất, 4 Lục, 4 Ngũ. Trường sở có ba dãy nhà (ngói, tole, tranh) nối nhau thành hình chữ U, gồm 13 phòng. Cạnh cổng là nhà Hiệu trưởng cũ, nay dùng làm phòng Giám thị và phòng Giáo sư.

Trường mới, cổng ngõ ra đường Cường Để, do Giám học Trương Ân điều hành, có 16 lớp gồm 4 Tứ, 4 Tam, 4 Nhị, 4 Nhất (2 ban A và 2 ban B). Trường sở là dãy nhà lầu hình chữ L có 17 phòng, gồm 13 phòng dành cho 16 lớp học, 1 phòng Hiệu trưởng, 1 phòng dành cho Giám học và nhân viên văn phòng, 1 phòng dùng cho thư viện và giáo sư, 1 phòng làm nhà vệ sinh và kho chứa vật liệu. Hiệu trưởng Tôn Thất Ngạc tuy ở Trường mới nhưng cũng thường lên Trường cũ giám sát.



H 13: Thầy Tôn Thất Ngạc Hiệu trưởng CĐ lâu năm nhất từ tháng 03-1959 đến hè 1965. (Ảnh từ Cuongde.org)

Tổng số giáo sư của trường trong niên khóa này là 56 vị, gồm:

3 vị trong Ban Giám đốc (miễn giảng dạy)

1 quản thủ phòng thí nghiệm: Thầy Võ Hồng Phong (miễn giảng dạy)

53 giáo sư trực tiếp giảng dạy

a/ Phân công giảng dạy theo bộ môn

Quốc văn (8 vị): Hà Thúc Hoan, Lê Đại Đồng, Lê Văn Hòa, Trần Gia Thùy, Cao Thị Xuân Yến, Lương Thị Nga, Lương Thị Quyên, Võ Thị Hồng Vân

Triết lý (2 vị): Nguyễn Phú Chính, Lê Thị Cúc

Công dân – Sử địa (6 vị): Lê Văn Tự, Mai Viết Tấn, Nguyễn Khuê, Nguyễn Phú Chính, Tôn Thất Kiên, Lương Thị Quyên [5]

Pháp văn (5 vị): Bùi Luân, Lưu Quang Sang, Nguyễn Hoàng Sanh, Ngô Thị Hoa, Phan Thanh Tường Nga

Anh văn (7 vị): Hoàng Thạch Thiết, Nguyễn Văn Sỏ, Nguyễn Túc, Phan Bá Trác, Tạ Quang Khanh, Ann Jacobs, Nguyễn Thị Tuyết

Toán học (10 vị): Đinh Văn Hiền, Ngô Minh Thành, Nguyễn Duy Luật, Nguyễn Đình Nhàn, Nguyễn Văn Độ, Phạm Ngọc Bích, Phạm Ngọc Hải, Trần Quang Khảo, Lê Khắc Ngọc Cầu, Phan Thị Kiều Nhi

Vạn vật – Lý hóa (8 vị): Đặng Ngọc Tuấn, Lê Nhữ Tri, Phạm Ngọc Quang, Trần Đình Chi, Trần Xuân Lộc, Vương Quốc Tấn, Trần Thị Đào, Trần Thị Gia

Hội họa – Âm nhạc – Nữ công (3 vị): Phùng Văn Viễn, Dương Minh Ninh, Nguyễn Thị Thái Nhĩ

Thẻ dục (3 vị): Đinh Văn Hiền, Hoàng Ngọc Du, Nguyễn Văn Sỏ

b/ Công việc hành chính và hỗ trợ

Nhân viên chuyên môn: Nguyễn Phùng, bà Đinh Thành Chương

Kế toán: Trần Trọng Duy

Nhân viên thông thường: Phan Văn Hoài

Thí vụ và tư thực: Thái Đình Quỳnh

Thư viện – văn phòng – giám thị (kiêm nhiệm): Lê Quang Chiêm, Nguyễn Phùng, Thái Đình Quỳnh, Trần Gia Thùy, Trần Trọng Duy

Tùy phái và lao công: Bùi Thấu, Lê Anh, Lê Xem

c/ Thay đổi nhân sự

Thầy Trần Quốc Sùng được Bộ cử làm Hiệu trưởng Trung học Công Lập kiêm Bán Công An Nhơn, thay cho Thầy Phạm Ngọc Bích trở về lại Trường Cường Đê.



*H 14: Thầy cố Hiệu trưởng Trương Ân.
(Ảnh: Đặc San Cường Để Qui Nhơn, 1998)*

10 - Niên khóa 1964–1965

a/ Cơ sở và Quy chế Nam học

Trường Trung học Cường Để cũ ở đường Võ Tánh, bàn giao cơ sở cho Trường Tiểu học Nguyễn Huệ. Toàn bộ các lớp được chuyển về cơ sở mới. Tuy nhiên, do thiếu phòng học, một số lớp Đệ thất phải tạm thời học nhờ tại Trường Nữ Trung học.

Từ niên khóa này, Trường Trung học Cường Để trở thành trường dành cho nam sinh. Chỉ trong trường hợp Trường Nữ Trung học Qui Nhơn chưa mở đủ các lớp tương ứng, trường mới tiếp nhận thêm nữ sinh.

b/ Thay đổi nhân sự

Thầy Lê Như Tri được Bộ Quốc gia Giáo dục bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường Trung học Công Lập An Nhơn kiêm Trung học Bán Công An Nhơn. Do đó, tại Trường Cường Để, thầy chỉ còn là giáo sư thỉnh giảng môn Vạn vật lớp 12.

Cô Trần Thị Gia, giáo sư môn Vạn vật của Trường, được Bộ Giáo dục ký sự vụ lệnh chuyển về Trường Nữ Trung học Qui Nhơn nhậm chức Hiệu trưởng.

11 - Niên khóa 1965–1966

a/ Thay đổi nhân sự

Thầy Trương Ân được bổ nhiệm giữ chức Hiệu trưởng, thay thế thầy Tôn Thất Ngạc chuyển về Bộ Quốc gia Giáo dục làm Thanh tra Trung học.

Chức Giám học do Thầy Nguyễn Đình Nhân đảm nhiệm.

Chức Tổng Giám thị có Thầy Võ Ái Ngự, thay Thầy Lương Thanh Danh đã nghỉ hưu vào cuối niên khóa trước.

Trường Cường Đê cử Thầy Nguyễn Kim Ba làm Hiệu trưởng Trường Trung học Bán Công An Nhơn, thay Thầy Lê Nhữ Tri (không còn kiêm nhiệm hai trường).

b/ Cơ sở vật chất và tổ chức học tập

Từ niên khóa này, Trường Cường Đê đã đủ phòng học cho tất cả các lớp không còn phải mượn phòng của Trường Nữ Trung học Qui Nhơn.

Năm 1965, Sư đoàn Mãnh Hồ (Đại Hàn) xây tặng trường một Đại thánh đường dài 43m, rộng 18m, sức chứa 1.000 chỗ ngồi."



*H 15: Đại thánh đường được xây cất năm 1965.
(Ảnh từ Cuongde.org)*

12 - Niên khóa 1966–1967

Trường mở lớp Đệ tam ban C đầu tiên. Vì học sinh chọn sinh ngữ khác nhau (Anh hoặc Pháp), các giờ này được chia nhóm giảng dạy riêng biệt. Các lớp Đệ

tam (ban C) và Đệ nhất (ban A, B) vẫn tiếp nhận nữ sinh do trường Nữ Trung học chưa có các cấp lớp tương ứng.



H 16: Thầy cố Tổng Giám Thị Võ Ái Ngự.

13 - Niên khóa 1967–1968, đánh dấu năm đầu tiên trường có học sinh dự thi Tú tài bán phần ban C.

Cũng trong thời gian này, về mặt nhân sự, trường cử Thầy Trần Thúc Bửu làm Hiệu trưởng Trường Trung học Bán Công An Nhơn thay Thầy Nguyễn Kim Ba nhập ngũ.

14 - Niên khóa 1968–1969, thầy Nguyễn Mộng Giác giữ chức Giám học thay cho thầy Nguyễn Đình Nhân đổi về Sài Gòn. Thầy Nguyễn Phúc được cử làm Phụ tá Giám học.

Thầy Trần Quốc Sùng được biệt phái về dạy lại ở Trường Cường Để, nhưng không bao lâu lại được cử làm Hiệu trưởng Trường Trung học Bán Công An Nhơn, thay cho Thầy Trần Thúc Bửu có lệnh gọi vào quân ngũ.



H 17: Thầy Nguyễn Mộng Giác và lớp Đệ Nhất C, niên khóa 1968–1969. (Ảnh từ Cuongde.org)

15 - Niên khóa 1969–1970 có hai sự kiện lớn:

a/ Biệt phái: các giáo sư Trường Cường Để thi hành lệnh động viên nhập ngũ từ những năm trước, niên khóa này được biệt phái về lại trường như các Thầy: Nguyễn Kim Ba, Trần Thúc Bửu..., và Trần Quốc Ứng (nhân viên văn phòng).

b/ Cải tổ: vào giữa niên khóa, Bộ Quốc gia Giáo dục đổi danh xưng các lớp trong hệ 12 năm:

Bậc Tiểu học, tên cũ là: lớp Năm, Tư, Ba, Nhì, Nhất; nay gọi là Lớp 1, 2, 3, 4, 5.

Bậc Trung học Đệ nhất cấp, tên cũ là: Đệ thất, Đệ lục, Đệ ngũ, Đệ tứ; nay gọi là Lớp 6, 7, 8, 9.

Bậc Trung học Đệ nhị cấp, tên cũ là: Đệ tam, Đệ nhị, Đệ nhất; nay gọi là Lớp 10, 11, 12.

16 - Niên khóa 1970–1971

Nhà trường khai triển trồng me tây và phượng vĩ trong khuôn viên, giao mỗi lớp Đệ Nhị cấp chịu trách nhiệm một cây.

Về nhân sự, đầu niên khóa, cô Giáo sư triết học Lê Thị Cúc đã thuyên chuyển về giữ chức Hiệu trưởng Trường Nữ Trung học Qui Nhơn theo sự vụ lệnh của Bộ.

17 - Niên khóa 1971–1972

Thầy Nguyễn Mộng Giác được thăng chức Hiệu trưởng, thay Thầy Trương Ân chuyển vào Sài Gòn làm Thanh tra Bộ Giáo dục vào khoảng cuối niên khóa.

Thầy Nguyễn Phụ Chính được Bộ cử làm Giám học, và Thầy Nguyễn Phúc giữ chức Phụ tá Giám học.

Thầy Nguyễn Văn Sở giữ chức Phụ tá Tổng Giám thị.

Nhà trường cũng thành lập xong Ban Chấp hành Học sinh hùng hậu.



H 18, ảnh: Diệp Thái Thôn, Cuongde.org

Thế rồi, một biến cố đau thương đã xảy ra trong niên khóa này. Đêm thứ Bảy, ngày 08 tháng 01 năm 1972, khi học sinh các trường trung và tiểu học thị xã Qui Nhơn quây quần quanh lửa trại sinh hoạt văn nghệ tại sân vận động, đặc công đã ném lựu đạn vào đồng lửa đang cháy bùng.

Vụ nổ cộng hưởng với ngọn lửa đã gây ra thảm cảnh kinh hoàng: Cô Đặng Thị Yến (Giám học Trường Nữ Trung học) cùng hơn 10 học sinh tử thương; Cô Tôn Nữ Thanh Tùng (Phụ tá Giám học) và hơn 100 học sinh khác bị thương. Trong số những người bị thương nặng có Thầy Tạ Quang Khanh, giáo sư Trường Cường Đẻ, cũng chính là phu quân của cô Giáo sư Đặng Thị Yến.

18 - Niên khóa 1972–1973

Theo số liệu thống kê của Trần Đình Thái (*Ai Có Về Qui Nhơn*, trang 55), biên soạn năm 1973, Trường Cường Đẻ có 3.227 học sinh, quy ra khoảng 65 lớp.



H 19: Lớp 12/B2, niên khóa 1972–1973, chụp tại cổng trường. (Ảnh từ Cuongde.org)

19 - Niên khóa 1973–1974

a/ Thay đổi Ban Giám đốc

Trong niên khóa này, Ban Giám đốc Trường Trung học Cường Đê được thay đổi toàn bộ:

Thầy Nguyễn Phú Chính nhậm chức Hiệu trưởng, thay thầy Nguyễn Mộng Giác (được bổ nhiệm làm Chánh sở Học chánh tỉnh Bình Định).

Thầy Nguyễn Minh Đức giữ chức Giám học, và Thầy Võ Thăng Phụ tá Giám học.

Thầy Phạm Ngọc Bích lãnh chức Tổng Giám thị, và Thầy Nguyễn Vui Phụ tá.

b/ Điều động nhân sự về Sở Học chánh [6]

Ngoài thầy Nguyễn Mộng Giác, một số giáo sư của Trường cũng được Bộ Giáo dục ký sự vụ lệnh chuyển về Sở Học chánh tỉnh Bình Định, gồm:

Thầy Huỳnh Hữu Dụng: Phó sở Học chánh;

Thầy Phan Bá Trác và Thầy Trần Quốc Sùng: Thanh tra Trung học;

Thầy Phan Bang: Chủ sự phòng Học vụ.

c/ Tuyển sinh

Trong niên khóa này, Trường Cường Đê chỉ còn một lớp 12 ban C có nhận nữ sinh.



*H 20: Thầy cố Hiệu trưởng Nguyễn Phú Chính.
(Ảnh: Đặc San Cường Để Qui Nhơn, 1998)*

20 - Niên khóa 1974–1975: Những dấu ấn cuối cùng

Niên khóa 1974–1975 đánh dấu chặng đường cuối cùng của Trường Cường Để trong dòng chảy giáo dục tại Miền Trung. Một sự kiện mang tính biểu tượng cho tinh thần gắn kết của nhà trường đã diễn ra vào ngày 01 tháng 02 năm 1975 (tức ngày 21 tháng Chạp năm Giáp Dần): hội trại mang tên “**Sư Đệ**.” Đây là kỳ trại đêm có quy mô lớn nhất trong lịch sử nhà trường, được tổ chức ngay tại khuôn viên trường nhằm thắt chặt tình thầy trò trước kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán.

Sự kiện quy tụ toàn bộ học sinh lớp 12, các lớp khác được tuyển chọn theo tỷ lệ một phần tư, tạo nên một không khí sinh hoạt học đường sôi nổi và đầy ý nghĩa. Thế nhưng, trong bối cảnh thời cuộc biến động, hội trại “**Sư Đệ**” vô tình trở thành cuộc hội ngộ cuối cùng của thầy và trò Trường Cường Để. Chỉ hai tháng sau đó, thị xã Qui Nhơn thất thủ, danh hiệu **Trung Học Cường Để** – một thực thể giáo dục quan trọng tại Bình Định – đã chính thức khép lại vai trò lịch sử của mình.



H 21: Dãy Lớp C trong khuôn viên Trường Cường Để.
(Ảnh từ Cuongde.org)

IV - TỔNG KẾT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC

Tóm lại, Trường Trung học Cường Để, sau 20 năm phát triển, hệ thống kiến trúc đã hoàn thành, với 5 khu nhà bằng vật liệu kiên cố, tọa lạc trên khoảnh đất hình chữ nhật, chiều dài 180 m, chiều rộng 135 m, diện tích 2, 3 ha, cùng phía với Tòa tỉnh và ngó qua Sở Học chánh.



H 22: Khuôn viên Trường Trung học Cường Để,
qua Google & Wikimèpia. (Ảnh: Cuongde.org)

Về bố trí kiến trúc mặt bằng, nếu đứng ở cổng trường nhìn vào một sân rộng.

Bên phải và nằm sát góc phía Bắc, là dãy lầu A hình chữ L, dài 67 m, dùng làm phòng học.

Bên trái có dãy nhà trệt B dài 50 m, nằm song song và đối diện với dãy A, đó là khu nhà hành chánh có sáu phòng, gồm: Hiệu trưởng, Giám học, Tổng Giám

Thị, Giáo sư, nhân viên, và phòng thư viện vừa làm nơi hội họp. Cũng phía trái, nằm sau lưng và song song với dãy B, có dãy lầu C dài 67 m; sau nữa là dãy D dài 50 m, nằm gần góc khuôn viên phía Nam và cũng song song với các dãy kia, cả hai đều là phòng học.

Hậu sảnh, có Đại thánh đường dài 43 m, rộng 18 m, chứa cả ngàn người, chiều dài nằm song song với đường Cường Để, còn mặt tiền hướng ra phía đường Tăng Bạt Hổ.



H 23: Dãy nhà để xe. (Ảnh từ Cuongde.org)

Với cơ sở này, Trường có trên 30 phòng dành cho lớp học. Ngoài ra, còn có Phòng thí nghiệm và dãy nhà để xe nằm dọc theo đường Cường Để.

V - TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN VỀ QUY MÔ VÀ ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 1975, Trung học Cường Để hoạt động gần trọn 20 niên khóa, luôn luôn dẫn đầu 50 trường trung học trong tỉnh, có 65 lớp, với chừng 3250 học sinh và lớp 12 mở đủ các ban A, B, C; trung bình mỗi niên khóa tăng 2,85 lớp.

Sự gia tăng nhanh chóng số lượng học sinh, từ vài trăm vào giữa thập niên 1950 lên hơn ba nghìn vào đầu thập niên 1970, phản ánh nhu cầu giáo dục trung học ngày càng tăng tại tỉnh Bình Định cũng như sự mở rộng của hệ thống giáo dục công lập tại miền Nam Việt Nam.

Trường Cường Để trải qua 6 đời Hiệu trưởng: Thái Vĩnh Thung (1955), Đinh Thành Chương (1955–1959) Tôn Thất Ngạc (1959–1965), Trương Ân (1965–1971), Nguyễn Mộng Giác (1971–1973) và Nguyễn Phú Chính (1973–1975).

VI - ĐỊNH HƯỚNG TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

Một đặc điểm nổi bật của nền giáo dục Việt Nam Cộng Hòa là việc xác lập rõ ràng bốn trụ cột triết lý: Nhân bản, Dân tộc, Khai phóng và Khoa học. Trong bối cảnh đó, Trường Trung học Cường Đê, với tư cách là một trong những trường công lập tiêu biểu tại Miền Trung, đã thể hiện khá đầy đủ sự vận dụng các nguyên lý này trong thực tiễn giáo dục.

Nguyên lý **Nhân bản** đặt con người vào vị trí trung tâm của giáo dục, chú trọng phát triển toàn diện nhân cách, đạo đức và ý thức trách nhiệm của học sinh. Nguyên lý **Dân tộc** được thể hiện qua việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam, đặc biệt thông qua các môn học như Quốc văn, Sử địa và Công dân giáo dục. Trong khi đó, **Khai phóng** nhấn mạnh tinh thần mở rộng tri thức, tiếp thu các giá trị tư tưởng và thành tựu khoa học từ bên ngoài, đồng thời khuyến khích tư duy độc lập và tự do học thuật. Cuối cùng, nguyên lý **Khoa học** thể hiện qua việc đề cao các môn học thực nghiệm cũng như phương pháp tư duy lý tính, hệ thống.

Sự kết hợp hài hòa của bốn yếu tố này đã góp phần hình thành một mô hình giáo dục cân bằng giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc dân tộc và xu hướng hội nhập tri thức toàn cầu. Trong môi trường đó, Trường Trung học Cường Đê đã góp phần đào tạo nên những thế hệ học sinh không chỉ có tri thức mà còn có ý thức công dân và khả năng thích ứng với những biến đổi của xã hội.

Đ - KẾT LUẬN

Lịch sử của Collège de Quinhon – Trung học Cường Đê không chỉ là lịch sử của một cơ sở giáo dục, mà còn là một trường hợp tiêu biểu phản ánh sự chuyển đổi của tư duy mô hình giáo dục Việt Nam trong thế kỷ XX. Qua ba giai đoạn lịch sử khác nhau, nhà trường đã lần lượt đảm nhận những chức năng đặc thù: từ một thiết chế phục vụ bộ máy thuộc địa, đến một cơ sở giáo dục bị gián đoạn bởi chiến tranh, và cuối cùng là một trung tâm đào tạo trong tiến trình xây dựng nền giáo dục quốc gia tại miền Nam Việt Nam.

Đặc biệt, trong giai đoạn 1955–1975, Trường Trung học Cường Đê không chỉ phát triển nhanh về quy mô mà còn thể hiện rõ một định hướng triết lý giáo dục nhất quán. Bốn trụ cột **Nhân bản – Dân tộc – Khai phóng – Khoa học** đã không dừng lại ở mức khẩu hiệu, mà được cụ thể hóa trong nội dung giảng dạy, phương

pháp giáo dục và sinh hoạt học đường. Nhờ đó, nhà trường đã góp phần hình thành một thể hệ trí thức có khả năng dung hòa giữa căn tính dân tộc và tinh thần hiện đại, giữa truyền thống và hội nhập.

Tuy nhiên, những thành tựu này cần được đặt trong giới hạn của bối cảnh lịch sử cụ thể. Chiến tranh kéo dài và bất ổn chính trị đã ảnh hưởng sâu sắc đến tính liên tục và bền vững của hệ thống giáo dục. Sự chấm dứt hoạt động của Trường Trung học Cường Để vào năm 1975 không chỉ là sự kết thúc của một ngôi trường, mà còn đánh dấu sự khép lại của một mô hình giáo dục gắn liền với một giai đoạn lịch sử đặc thù.

Từ trường hợp này, có thể thấy rằng giáo dục không chỉ phản ánh mà còn góp phần định hình xã hội. Việc nghiên cứu các mô hình giáo dục trong quá khứ không chỉ mang ý nghĩa hồi cố, mà còn cung cấp những gợi ý quan trọng cho việc suy nghĩ về tương lai của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

San Jose, CA 11-04-2026

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

(Trong tập *Giáo Dục và Khoa Cử*)

GHI CHÚ

[1] Pháp đếm ngược từ đích (Tú tài), Việt lại đếm xuôi theo thứ bậc.

[2] Điểm thi từ 5/10 trở lên là trúng tuyển, từ 3/10 trở lên được thi kỳ 2, dưới 3/10 phải ở lại lớp.

[3] Gọi là Trại hè Học sinh Toàn quốc, nhưng dành cho cho có các trường Trung học Công lập ở Miền Trung, từ Quảng Trị (Trường Nguyễn Hoàng) đến Phan Thiết (Trường Phan Bội Châu).

[4] Lê Văn Hòa và Nguyễn Đình Nhàn; *Trường Cường Để Qui Nhơn: Chuyện Cũ Nhắc Lại; Đắc San Cường Để Qui Nhơn 1998* (Houston, Texas); trang 15 & 16.

[5] Thầy Nguyễn Phú Chính dạy Triết và Công dân, thầy Nguyễn Văn Sở dạy Anh văn và Thể dục, cô Lương Thị Quyên dạy Quốc văn và Sử địa, tính theo môn dạy có 56 vị, nhưng tính theo đầu người chỉ có 53 vị.

[6] Theo Phan Bá Trác, cựu Phó Ty trưởng Ty Văn hóa Giáo dục và Thanh niên tỉnh Bình Định, trong lần phỏng vấn ngày 04-05-2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG; *Các Trường Trung Học Tỉnh Bình Định; Đặc San Liên Trường 2005* (Nam Cali); trang 37–64.

2/ LÊ ĐẠI ĐỒNG; *Thầy Nguyễn Phú Chính, Hiệu Trưởng Cuối Cùng Của Trường Cường Đê; Đặc San Cường Đê & Nữ Trung Học 1999* (Houston, Texas); trang 33–40.

3/ LÊ VĂN HÒA và NGUYỄN ĐÌNH NHÀN, *Trường Cường Đê Qui Nhơn: Chuyện Cũ Nhắc Lại; Đặc San Cường Đê Qui Nhơn 1998* (Houston, Texas); trang 9–20.

4/ NGUYỄN BÁ THƯ, *Trường Xưa Bạn Cũ; Đặc San Cường Đê & Nữ Trung Học 2001* (Houston, Texas), trang 39–49.

5/ TRẦN ĐÌNH THÁI; *Ai Có Về Qui Nhơn; Sài Gòn, Tủ sách đẹp Quê Hương xuất bản, 1973.*

6/ TRANG MẠNG cuongde.org

7/ PHÒNG VẤN QUA ĐIỆN THOẠI

- Ngày 08-05-2005 phỏng vấn: Huỳnh Hữu Dụng cựu Ty trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên tỉnh Bình Định (hiện ở San Jose, CA), Tôn Thất Ngạc cựu Hiệu trưởng Trung học Cường Đê 1959–1965 (hiện ở Houston, TX), Nguyễn Mộng Giác cựu Giám học và cựu Hiệu trưởng Trường Cường Đê 1968–1973 (ở Westminster, CA); và các cựu giáo sư Trường Cường Đê: Lê Đại Đồng (Katy, TX), Lê Văn Ba (Westminster, CA), Nguyễn Tế (San Jose, CA), Võ Đen (Dorchester, MA), Vũ Quốc Oai (San Diego, CA).

- Ngày 09-05-2005, phỏng vấn qua điện thoại các cựu học sinh Cường Đê, hiện ở San Jose (CA): Nguyễn Bá Thư (1955–1956), Đặng Đức Bích (1956–1963), Đặng Đức Thông (1958–1965); và Trương Toại cựu học sinh Trường Hòa Bình thời Việt Minh.

- Phỏng vấn qua điện thoại ông Đặng Hiếu Kính, cựu học sinh Collège de Quinhon (1933–1944), hiện ở Herndon, VA, bốn lần vào các ngày 14-05-2005, 08-06-2015, 05-05-2016, và 07-04-2018.

- Ngày 15-05-2005, phỏng vấn qua điện thoại các cựu học sinh Ban C, Trường Cường Để: Trần Văn Thuận (1964-1971), Huỳnh Thị Hồng (1967-1970), Huỳnh Thị Bích Sơn (1969-1972), đều ở San Jose.

- Ngày 12-06-2006, phỏng vấn trực diện bà Trần Đình Đệ (tức Đặng Thị Ngọc Anh, cựu học sinh Collège de Quinhon) ở Falls Church, VA; trong chuyến Bà đến San Jose, CA.

- Ngày 04-05-2016, phỏng vấn qua điện thoại Phan Bá Trác, cựu Phó Ty trưởng Ty Văn hóa Giáo dục và Thanh niên tỉnh Bình Định, hiện ở Dallas, Texas.